

Bản án số: 04/2024/LĐ-ST  
Ngày: 05 – 3 – 2024  
V/v “Vô hiệu hợp đồng lao động  
và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Quốc

**Các Hội thẩm nhân dân:**

- Ông Nguyễn Chí Lin
- Bà Trần Thị Đồi

**Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

**Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Ngọc Tư – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 123/2023/TLST – LĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST – LĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024, giữa:

1. **Nguyên đơn:** Bà Lê Minh H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (xin vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn S2.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee Hwan S, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lee Hwan S: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số A, khu phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

(Theo giấy ủy quyền ngày 11/12/2023)

3. **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An ( xin vắng mặt).

3.2. Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An.

Địa chỉ trụ sở: Số H T tránh, phường D, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần S1, chức vụ: Giám đốc (xin vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 10 năm 2023, nguyên đơn bà Lê Minh H trình bày:*

Từ tháng 4/2003 đến tháng 6/2011, bà Lê Minh H vào làm công nhân tại Công ty TNHH M tại đường N, tổ A, khu phố B, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, bà có tham gia bảo hiểm với số bảo hiểm là 0203254902.

Do bản thân không am hiểu về pháp luật và muốn giúp đỡ bà Phạm Thị T chưa đủ tuổi lao động có thể đi làm tạo thu nhập lo cho gia đình, nên bà cho bà T mượn giấy chứng minh nhân dân để bà T đi làm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn S2 trong khoảng thời gian từ tháng 5/2007 đến tháng 4/2010. Khi bà T mang tên bà là Lê Minh H làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn S2 thì bà T cũng tham gia bảo hiểm với số sổ bảo hiểm mang tên bà Phạm Thị T là 4807015817.

Việc bà cho bà T mượn giấy chứng minh nhân dân là không đúng quy định pháp luật và người thực hiện hợp đồng lao động với Công ty trách nhiệm hữu hạn S2 không phải do bản thân bà thực hiện. Hiện nay tồn tại hai sổ bảo hiểm là 0203254902 và 4807015817 cùng mang tên bà Lê Minh H nên bà không thể thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm được.

Do đó bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Vô hiệu hợp đồng lao động được kí kết giữa bà Lê Minh H (do bà Phạm Thị T làm việc) với Công ty trách nhiệm hữu hạn S2 từ tháng 05/2007 đến tháng 4/2010;

2/ Điều chỉnh tên Lê Minh H trên sổ bảo hiểm xã hội số 4807015817 mang tên bà Phạm Thị T.

Ngoài ra, bà Lê Minh H không có yêu cầu gì khác, không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

*Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn S2 có văn bản trình bày:*

Công ty xác định bà Lê Minh H có ký hợp đồng lao động vào làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn S2 từ tháng 5/2007 đến tháng 4/2010 thì bà H nghỉ việc. Công ty đã thực hiện việc chốt sổ BHXH cho người lao động theo đúng qui định. Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công ty không có ý kiến. Đại diện công ty có văn bản đề nghị xin xét xử vắng mặt.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T có văn bản trình bày:* Do bà còn nhỏ tuổi nên có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Lê Minh

H đi vào làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn S2 từ tháng 5/2007 cho đến tháng 4/2010. Bà đã thực hiện các thủ tục để được hưởng trợ cấp BHXH một lần và chưa hưởng tiền trợ cấp BHTN đối với số sổ bảo hiểm 4807015817. Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà H, đối với việc giải quyết vô hiệu hợp đồng lao động, bà đề nghị giải quyết theo qui định pháp luật. Bà không có yêu cầu về số tiền bảo hiểm đã đóng và có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L trình bày:*  
Căn cứ vào hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ và chính sách BHXH, bảo hiểm y tế, BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định Công ty trách nhiệm hữu hạn S2 có tham gia bảo hiểm cho bà Lê Minh H từ tháng 5/2007 đến tháng 4/2010 với số sổ bảo hiểm 4807015817, bà H đã hưởng trợ cấp BHXH một lần theo Quyết định số 074868/QĐ-BHXH ngày 21/9/2011 của BHXH huyện Đ với số tiền 6.002.514 đồng.

Căn cứ theo quy định pháp luật hiện hành chưa có văn bản hướng dẫn “Trường hợp Tòa án hủy sổ bảo hiểm hoặc điều chỉnh thông tin từ người cho mượn hồ sơ sang người mượn hồ sơ như trường hợp điều chỉnh thông tin tên Lê Minh H trên sổ bảo hiểm số 4807015817 thành tên Phạm Thị T”. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi cho người tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN. BHXH tỉnh L có công văn gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh L, theo đó ngày 27/10/2023 Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh L có công văn số 4368/SLĐTBXH-TTr gửi Bộ L1 xin ý kiến về việc điều chỉnh hồ sơ cá nhân do người lao động mượn hồ sơ của người khác đi làm việc và tham gia BHXH, BHYT, BHTN, sau khi Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Đến nay, BHXH tỉnh L đang chờ hướng dẫn từ cơ quan có thẩm quyền để triển khai thực hiện. BHXH tỉnh L đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Quan điểm kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, xác minh. Tòa án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Minh H về việc Vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Lê Minh H (do bà Phạm Thị T thực hiện) với Công ty trách nhiệm hữu hạn S2 từ tháng 5/2007 đến tháng 4/2010; Điều chỉnh tên Lê Minh H trên sổ bảo hiểm xã hội số 4807015817 mang tên bà Phạm Thị T. Bởi vì thực tế bà Lê Minh H không phải là người lao động mà bà Phạm Thị T mới là người lao động tại Công ty trách nhiệm hữu hạn S2.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Minh H nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và Điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Công ty trách nhiệm hữu hạn S2 có trụ sở tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2]. Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Bà Lê Minh H người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, Công ty trách nhiệm hữu hạn S2 là người bị kiện được xác định là bị đơn. Bà Phạm Thị T và Bảo hiểm xã hội tỉnh L được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Thời hiệu khởi kiện: Bà Lê Minh H khởi kiện Công ty trách nhiệm hữu hạn S2 vì cho rằng quyền lợi bị xâm phạm do hợp đồng giả tạo. Các bên tranh chấp hợp đồng lao động không yêu cầu áp dụng về thời hiệu nên bà Lê Minh H có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 190 Bộ luật lao động năm 2019, Điều 184, Điều 186 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.3]. Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: Chứng cứ bà Lê Minh H có nộp sổ BHXH số 0203254902; Bản quá trình đóng bảo hiểm xã hội trùng số 0203254902 và 4807015817 cùng mang tên Lê Minh H.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về chứng cứ chứng minh cho lời trình bày các đương sự Tòa án đã thu thập đầy đủ.

Bộ luật Lao động để áp dụng giải quyết tranh chấp: Các bên tranh chấp hợp đồng lao động trong thời gian từ tháng 5/2007 đến tháng 4/2010 nên Bộ luật Lao động được áp dụng để giải quyết tranh chấp là Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007). Thời điểm giải quyết tranh chấp thì Bộ luật Lao động năm 2019 và Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Tòa án lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hợp đồng lao động: Bà Lê Minh H khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa bà Phạm Thị T do bà T là người trực tiếp lao động và Công ty trách nhiệm hữu hạn S2 là vô hiệu. Tuy nhiên bà Lê Minh H không cung cấp được hợp đồng lao động do bị thất lạc. Đồng thời, Công ty trách nhiệm hữu hạn S2 cũng có lời khai xác định bà Lê Minh H có ký hợp đồng lao động và trực tiếp làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn S2 từ tháng 5/2007 đến tháng 4/2010 thì bà H nghỉ việc. Căn cứ vào Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định Công ty trách nhiệm hữu hạn S2 có tham gia bảo hiểm cho bà Lê Minh H từ tháng 5/2007 đến tháng 4/2010 với số sổ bảo hiểm 4807015817 nên có căn cứ xác định giữa bà Lê Minh H với Công ty trách nhiệm hữu hạn S2 có giao kết hợp đồng lao động, thời hạn hợp đồng từ tháng 5/2007 đến tháng 4/2010.

[2.2]. Xét thấy, bà Lê Minh H có cho bà Phạm Thị T mượn chứng minh nhân dân mang tên Lê Minh H để xác lập hợp đồng lao động và trực tiếp tham gia lao động, đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 5/2007 cho đến tháng 4/2010 tại Công ty trách nhiệm hữu hạn S2 theo sổ BHXH số 4807015817. Trong khi đó bà Lê Minh H cũng trực tiếp tham gia lao động tại Công ty TNHH M từ tháng 4/2003 đến tháng 6/2011, bà H cũng tham gia đóng bảo hiểm xã hội theo số sổ là 0203254902.

Như vậy có căn cứ xác định trong khoảng thời gian từ tháng 5 năm 2007 đến tháng 4 năm 2010 thì người mang tên Lê Minh H cùng lúc tham gia bảo hiểm xã hội tại hai doanh nghiệp là Công ty trách nhiệm hữu hạn S2 và Công ty TNHH M.

Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn S2 xác định bà Lê Minh H có ký hợp đồng lao động và trực tiếp lao động tại Công ty trách nhiệm hữu hạn S2 từ tháng 5/2007 đến tháng 4/2010 thì bà H nghỉ việc. Đồng thời tại Công văn số 2920 ngày 01/12/2023 của Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định Công ty trách nhiệm hữu hạn S2 có tham gia bảo hiểm cho bà Lê Minh H từ tháng 5/2007 đến tháng 4/2010 với số sổ bảo hiểm 4807015817 nên có cơ sở xác định bà Lê Minh H không trực tiếp tham gia lao động tại Công ty trách nhiệm hữu hạn S2 mà người trực tiếp lao động tại Công ty trách nhiệm hữu hạn S2 là bà Phạm Thị T.

Do đó, việc bà Phạm Thị T tham gia trực tiếp lao động với Công ty trách nhiệm hữu hạn S2 nhưng ký hợp đồng lao động với tên người lao động là bà Lê Minh H là vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007), vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ Luật Lao động, vi phạm các hành vi bị cấm như gian lận, giả mạo hồ sơ trong việc thực hiện BHXH, BHTN theo quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng

11 năm 2014 nên có cơ sở xác định hợp đồng lao động giữa bà Lê Minh H với Công ty trách nhiệm hữu hạn S2 là không có hiệu lực.

Bà Lê Minh H yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lê Minh H tại Công ty trách nhiệm hữu hạn S2 từ tháng tháng 5/2007 cho đến tháng 4/2010 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động mà người lao động trực tiếp tham gia lao động là bà Phạm Thị T nhưng thông tin ký hợp đồng lao động mang tên Lê Minh H.

Từ các nhận định nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Minh H là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.3]. Về hậu quả của hợp đồng lao động bị vô hiệu bà Phạm Thị T, Công ty trách nhiệm hữu hạn S2, Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An không có yêu cầu nên không đề cập xem xét, giải quyết.

[3]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Minh H tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 5, Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 184, Điều 186 Điều 68, Điều 91, Điều 93, Điều 97, Điều 147, Điều 195, Điều 196, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007);

Căn cứ khoản 1 Điều 15; Điều 190 Bộ Luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Minh H về việc: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” với Công ty trách nhiệm hữu hạn S2.

1.1. Vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Lê Minh H (do bà Phạm Thị T là người trực tiếp lao động) với Công ty trách nhiệm hữu hạn S2 từ tháng 05/2007 đến tháng 4/2010;

1.2. Điều chỉnh tên Lê Minh H trên sổ bảo hiểm số 4807015817 thành tên Phạm Thị T.

Bà Lê Minh H và bà Phạm Thị T được quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh Long An để điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội số 4807015817 từ tên Lê Minh H sang tên Phạm Thị T.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Lê Minh H tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006867 ngày 03/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà H đã nộp đủ tiền án phí lao động sơ thẩm.

3. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nơi nhận:*

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Hữu Quốc**